

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS - PT
Ngày: 15 - 01 - 2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**

Các Thẩm phán: ông **Trần Mạnh Dũng**

ông **Nguyễn Văn Thọ**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: ông **Lương Quốc Phòng** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138/2023/QĐ - PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A T, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Hạnh N, sinh năm 1975; Địa chỉ: khối phố Đ, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Lệ T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số I H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Ngày 15/3/2021 bà có cho bà Nguyễn Thị Hạnh N vay số tiền 2.300.000.000 đồng, bà đã giao tiền và bà N đã viết giấy mượn tiền và cầm cố cho bà bìa đỏ của hộ ông Nguyễn V (ba bà N). Ngày 25/3/2021 bà N tiếp tục cầm cố một sổ đỏ của mẹ chồng bà N để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Bà đã bỏ giấy mượn tiền trước đó và yêu cầu bà N viết lại thành một giấy mới với số tiền mượn là 3.300.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng (của 02 khoản nợ). Ngày 25/5/2022 bà N yêu cầu bà mang sổ đỏ của hộ ông Nguyễn V đến để bà N trả số tiền 1.000.000.000 đồng. Do cần tiền để trả cho người khác, nên bà đã mang sổ đỏ đến, bà N trả số tiền 1.000.000.000 đồng,

đồng thời viết vào mặt sau giấy mượn tiền nội dung: “*Hôm nay ngày 25/5/2022 tôi đã chuyển trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T một tỷ đồng y (gánh nợ cho bà T1) để lấy lại bìa đỏ hộ ông Nguyễn V (số A)*”, sau khi nhận tiền bà không quan tâm việc này. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ còn lại là 2.300.000.000 đồng và tiền lãi 150.000.000 đồng cho bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh N trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị Lệ T1 là giáo viên cùng trường, bà có nợ tiền của bà T1, nên bà giao cho bà T1 sổ đỏ của hộ ông Nguyễn V và bà Trương Thị L để cầm cố. Hiện nay giấy nợ tiền bà T1 còn giữ bản gốc, nhưng bà đã thanh toán vượt số tiền vay cho bà T1, tuy nhiên đây là sự việc riêng giữa bà và bà T1, bà sẽ giải quyết sau. Nhưng đối với khoản nợ bà T khởi kiện, thực chất bà không vay mượn bà T, nhưng bà T1 đã lừa bà viết 02 giấy nợ tại quán V1. Sau đó do biết bà T1 lừa bà, nên bà buộc phải tiếp tục viết thêm giấy 3.300.000.000 đồng tại quán C. Với mục đích để lấy lại 02 giấy viết trước đó, nên bà đã bị bà T1 ép viết giấy mượn tiền của bà T, bản thân bà không có quen biết, không mượn tiền bà T cũng như không trực tiếp đưa bìa đỏ cho bà T. Vì bị ép viết giấy mượn tiền và để lấy lại sổ đỏ hộ ông Nguyễn V nên ngày 25/5/2022 bà đã chuyển trả cho bà T số tiền 1.000.000.000 đồng và ghi nội dung: “*gánh nợ thay cho bà T1*” vào mặt sau của giấy mượn tiền mà bà T đang giữ. Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết đúng tên Nguyễn Thị Hạnh N trong giấy mượn tiền bà T cung cấp là của bà, nhưng nội dung trong giấy mượn tiền là do em trai bà ông Nguyễn Thiên L1 viết. Tuy nhiên ông L1 chỉ ký xác nhận làm chứng mà không liên quan đến khoản nợ này. Thực chất, bà không mượn bà T và em trai bà không liên quan khoản nợ, hiện tại bà cũng không biết em bà ở đâu để cung cấp thông tin cho Tòa án. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ còn lại là 2.300.000.000 đồng và tiền lãi 150.000.000 đồng bà không đồng ý, vì bà không vay mượn tiền bà T.

Bà khẳng định bà T1 lừa bà để bà gánh nợ thay cho bà T1, vì bà được biết bà T1 có nợ bà T 7.300.000.000 đồng, việc làm này của bà T1 là lừa bà để chuyển bớt nợ của bà T1 qua cho bà gánh chịu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T1 trình bày:

Trước đây, giữa bà và bà N có giao dịch với nhau nhiều lần và bà N có mượn của bà nhiều lần và còn nợ 9.000.000.000 đồng. Số tiền bà cho bà N mượn có một phần bà vay của bà T. Tuy nhiên khoản tiền bà N mượn bà T bà chỉ là người làm chứng và món nợ này không liên quan đến những khoản nợ bà N mượn bà. Do bà N không trả được nên giữa bà N, bà và bà T, ông Nguyễn Thiên L1 (em trai bà N) thỏa thuận bà N viết lại giấy nợ tiền cho bà T số tiền 3.300.000.000 đồng để bà N tự có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Ở đây, bà đã lấy danh dự uy tín của bà đứng ra nói với bà T, để bà T cho bà N mượn tiền. Có thời điểm bà đã bỏ tiền túi ra trả lãi thay cho bà N, chỉ vì giữ sự uy tín của mình. Tuy nhiên sau vài tháng bà không thể giúp trả lãi thêm, nên phải buộc các bên ngồi lại trao đổi, để bà N trả nợ cho bà T số tiền đã vay. Nay việc bà N cho rằng trả cho bà T 1.000.000.000 đồng là gánh nợ thay cho bà là không đúng vì bà không còn liên quan. Việc ký lại giấy 3.300.000.000 đồng chẳng qua là chuyển người làm chứng từ bà sang cho ông L1, vì bà không liên quan. Hiện

bà N còn nợ bà nhưng cũng không liên quan đến khoản nợ bà T đang khởi kiện và bà Nợ bà T cũng không liên quan đến khoản nợ 3.300.000.000 đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh N;

Buộc bà Nguyễn Thị Hạnh N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền nợ vay còn lại 2.300.000.000 đồng và tiền lãi là 150.000.000 đồng. Tổng cộng: 2.450.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2023 bà Nguyễn Thị Hạnh N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: **đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để bổ sung tài liệu, chứng cứ.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và bị đơn không rút đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

[2] **Xét kháng cáo của các đương sự:**

[2.1]. **Về thủ tục tố tụng**

Về thời hạn kháng cáo: bà Nguyễn Thị Hạnh N kháng cáo trong thời hạn nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung vụ án

Bà Nguyễn Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hạnh N trả nợ vay theo Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021. Bà N thừa nhận chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị Hạnh N tại giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 là do bà N viết và ký. Do đó, giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T về việc buộc bà Nguyễn Thị Hạnh N trả số tiền 2.300.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét: Mặc dù, Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 thể hiện nội dung: Ngày 25/3/2021 bà Nguyễn Thị Hạnh N có mượn bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 3.300.000.000 đồng. Bà N thừa nhận chữ viết trong Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 là của ông Nguyễn Thiên L1 (em ruột bà Nguyễn Thị Hạnh N) và chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 là của bà N. Tuy nhiên, bà N cho rằng bà bị bà T1 ép buộc viết hai giấy mượn tiền vào ngày 01/5/2021 với số tiền 2.300.000.000 đồng và giấy mượn tiền 1.000.000.000 đồng ngày 25/3/2021, với mục đích là bắt bà gánh nợ thay cho khoản nợ bà T1 đang nợ bà Nguyễn Thị Thùy T. Sau đó bà T yêu cầu bà viết gộp lại bằng Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 thể hiện nội dung: Ngày 25/3/2021 bà Nguyễn Thị Hạnh N có mượn bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 3.300.000.000 đồng và trả cho bà 02 Giấy nợ gốc cũ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2023 do Toà án nhân dân thành phố T lập (BL 24) bà Nguyễn Thị Lệ T1 đã thừa nhận: Bà Nguyễn Thị Hạnh N còn nợ tôi số tiền khoảng 9 tỷ và tôi có giữ giấy vay tiền của bà N. Về số tiền bà N còn nợ tôi thì do tôi vay một phần của bà T để đưa cho bà N, nhưng do bà N không trả được nợ cho tôi, nên giữa tôi với bà N và bà T và ông L1 đã thỏa thuận trong số tiền bà N nợ tôi thì bà N viết lại giấy nợ tiền bà T số tiền 3.300.000.000 đồng để bà N, tự có trách nhiệm trả nợ cho bà T. Trường hợp nếu bà N thừa nhận còn nợ tôi, thì tôi sẽ trả lại giấy nợ tiền của bà N nợ tôi cho bà N để bà N trả nợ cho bà T hoặc bà N không thừa nhận nợ bà T thì phải có nghĩa vụ trả số tiền 3.300.000.000 đồng cho tôi và tôi sẽ trả lại nợ cho bà T. Bà Nguyễn Thị Lệ T1 đã thừa nhận: Mặc dù đã thỏa thuận chuyển nợ từ bà N nợ bà T1, sang bà N nợ bà T, nhưng bà T1 vẫn còn giữ các giấy bà N nợ bà T1.

Lời khai của bà Nguyễn Thị Lệ T1: Phù hợp với lời khai của bà Nguyễn Thị Hạnh N và phù hợp với G mượn tiền ngày 01/5/2021 với số tiền 2.300.000.000 đồng và giấy mượn tiền 1.000.000.000 đồng ngày 25/3/2021 mà bà N đã nộp cho Toà án và có xác nhận (đã đối chiếu bản gốc). Hơn nữa, trong bản chính Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 bà T nộp cho Toà án bà Nguyễn Thị Hạnh N có ghi nội dung: Hôm nay ngày 25/5/2022 tôi đã chuyển trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 01 tỷ đồng (gánh nợ cho bà T1) để lấy lại bìa đỏ hộ ông Nguyễn V. Cuối nội dung này có chữ ký của bà Nguyễn Thị Thùy T.

Có đủ cơ sở kết luận: Sau khi mượn tiền của bà Nguyễn Thị Lệ T1, bà Nguyễn Thị Hạnh N, bà Nguyễn Thị Thùy T và bà Nguyễn Thị Lệ T1 với sự làm chứng của ông Nguyễn Thiên L1 có thỏa thuận sang số tiền 3.300.000.000 đồng bà Nguyễn Thị Hạnh N nợ bà Nguyễn Thị Lệ T1 sang nợ bà Nguyễn Thị Thùy T và đã được bà Nguyễn Thị Thùy T và bà Nguyễn Thị Lệ T1 đồng ý, thể hiện bằng Giấy mượn tiền

ngày 01/5/2021 với số tiền 2.300.000.000 đồng và giấy mượn tiền 1.000.000.000 đồng ngày 25/3/2021. Sau đó bà T yêu cầu bà viết gộp lại bằng Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 thể hiện nội dung: Ngày 25/3/2021 bà Nguyễn Thị Hạnh N có mượn bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 3.300.000.000 đồng và trả cho bà 02 Giấy nợ gốc cũ. Đến ngày 25/5/2022 bà N đã trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 01 tỷ đồng và hiện nay còn nợ bà T 2.300.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị Hạnh N trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T 2.300.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Lệ T1 đã thừa nhận: Mặc dù đã thỏa thuận chuyển nợ từ bà N nợ bà T1, sang bà N nợ bà T, nhưng bà T1 vẫn còn giữ các giấy bà N nợ bà T1, nhưng bản án sơ thẩm không xử lý: Buộc bà T1 trả các Giấy nợ số tiền 3.300.000.000 đồng là thiếu sót, ảnh hưởng quyền lợi của bà N.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc bà N trả số tiền lãi 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét:

Tại Giấy mượn tiền ngày 25/3/2021 các bên không thỏa thuận lãi suất, nhưng có thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng, như vậy, mức lãi suất trong trường hợp này được căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, thời gian chậm trả được tính từ ngày 26/9/2021. Tương ứng với số tiền 3.300.000.000 đồng x 08 tháng (từ ngày 26/9/2021- 26/5/2022) x 10% = 220.000.000 đồng và số tiền 2.300.000.000 đồng x 16 tháng 03 ngày (từ ngày 26/5/2022 đến ngày 29/9/2023) x 10% = 307.348.999 đồng. Tuy nhiên, bà T chỉ yêu cầu bà N trả số tiền lãi là 150.000.000 đồng là thấp hơn mức lãi suất được pháp luật cho phép và có lợi cho bà N, nên có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Hạnh N không có tài liệu, chứng cứ nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hạnh N, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

[3]. Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Hạnh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hạnh N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” với bị đơn bà Nguyễn Thị Hạnh N.

Buộc bà Nguyễn Thị Hạnh N phải trả cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền nợ 2.300.000.000 đồng và tiền lãi là 150.000.000 đồng, tổng cộng 2.450.000.000 đồng (*Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng*).

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ T1 trả các Giấy nợ của số tiền 3.300.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Hạnh N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Hạnh N không trả số tiền trên thì còn phải chịu theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hạnh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 81.000.000 đồng (*T2 mươi mốt triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền tạm ứng án phí 50.500.000 đồng (*Năm mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010073 ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hạnh N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012140 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*ngày 15/01/2024*).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Thịnh